

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày: 05-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Cửu

Bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 25/12/2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Viêt C, sinh ngày 02/8/1979, tại thành phố Đà Nẵng

Nơi cư trú: Thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T (Còn sống); gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ hai, bị cáo có chồng tên Nguyễn D và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Thị Thúy N, sinh ngày 14/10/1986, tại thành phố Đà Nẵng

Nơi cư trú: Thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà S và bà Nguyễn Thị L (Cả hai đều còn sống); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất, bị cáo có chồng tên Phạm H và có 01 con sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/5/2022, bị TAND huyện Hòa Vang xử phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 năm tù tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Tổng hình phạt phải chấp hành: 12 năm tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Bình Điện trong vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn L, sinh năm 1970; có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn A, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn D, sinh năm 1978;
có mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Thị Thúy N và Nguyễn Thị Viêt C có mối quan hệ là chị em con dì ruột (N là chị) và ở gần nhà nhau. Từ đầu năm 2020, C nợ bên ngoài xã hội một số tiền nhưng không có khả năng trả và nhiều lần đã có người đến nhà C để đòi nợ. Đến giữa năm 2020, C và N gặp nhau tại một địa chỉ không nhớ rõ thuộc xã Hoà S, huyện Hoà V, TP. Đà Nẵng. Lúc này, C biết N có thể làm giả được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên nói N làm cho C 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên và lý lịch cá nhân C để C mang đi thế chấp mượn tiền trả nợ, N đồng ý. C đưa cho N số tiền khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (cả hai đều không nhớ rõ số tiền cụ thể). Sau đó, N sử dụng điện thoại di động của mình để lên mạng xã hội Facebook tìm trang mạng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi hai bên nhắn tin, trao đổi thông tin với nhau. N đã cung cấp thông tin thửa đất, lý lịch cá nhân của C, số điện thoại cá nhân của mình để trang mạng này làm giả 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên thống nhất số tiền làm giả là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và sẽ nhận hàng sau 10 ngày tại một địa chỉ hẹn trước. Khoảng 10 ngày sau, có một người giao hàng điện thoại cho N đến nhận hàng tại một địa chỉ trên đường Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Đà Nẵng (N và C không nhớ rõ địa chỉ cụ thể). Nhận được điện thoại, N đến nhà chờ C đến điểm hẹn để nhận hàng. Tại đây, N để C đứng ngoài đường Nguyễn Hữu Thọ còn mình đi bộ vào trong một kiệt gặp một người giao hàng nhận 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR852001, cấp cho thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, mang tên Nguyễn Thị Viêt C, năm sinh 1979, Chứng minh nhân dân số 201416273; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm. N đưa cho người giao hàng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) rồi mang Giấy này ra xe đưa cho C mang về nhà cất giữ.

Đến ngày 18/6/2020 C mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên đến gặp bà Nguyễn L, sinh năm 1970; trú: Thôn A, xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng để hỏi vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) trong thời hạn hai tháng. Bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp mới cho vay tiền. C đưa cho bà L một chứng minh nhân dân số 201416273 mang tên Nguyễn Thị Viêt C và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên để cầm cố cho bà L và nói dối thửa đất này là của mình. Bà L kiểm tra thấy thông tin trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng minh nhân dân của C giống nhau nên tin tưởng đưa cho số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và yêu cầu C viết một giấy mượn tiền (trước khi viết giấy, các bên thỏa thuận viết giấy mượn tiền, không viết giấy vay tiền và thỏa thuận miệng lãi suất C phải trả hằng tháng). Đến thời hạn trả nợ, C không trả tiền và bà L nhiều lần yêu cầu nhưng C vẫn không trả nợ. Qua tìm hiểu, bà L biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên là giả. Đến ngày 16/01/2023, bà L đã làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoà Vang. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Viêt C và Hà Thị Thuý N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR852001, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, diện tích: 150m²; mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, mang tên Nguyễn Thị Viêt C, năm sinh 1979, Chứng minh nhân dân số 201416273; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm.

- 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 201416273 mang tên bà Nguyễn Thị Viêt Chúc và 01 bản photo Giấy mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ghi ngày 18/6/2020 có chữ ký và tên Nguyễn Thị Viêt C.

Tại Kết luận giám định số: 282/KL-KTHS ngày 04/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Đà Nẵng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CR852001, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61 có địa chỉ tại thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mang tên Nguyễn Thị Viêt Chúc là giả.

Về dân sự: Đến ngày 13/7/2023 Nguyễn Thị Viêt C đã trả lại cho bà Nguyễn L số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); trong đó: ngày 20/3/2023 trả 10.000.000 đồng, ngày 13/7/2023 trả 20.000.000 đồng. Bà L đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại, yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo C.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo:

- Nguyễn Thị Viêt C về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Hà Thị Thuý N về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Viết C phạm về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Bị cáo Hà Thị Thuý N phạm về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đối với bị cáo Nguyễn Thị Viết C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Viết C mức án tù 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Viết C mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Viết C. Buộc bị cáo C phải chấp hành mức từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị Thuý N.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Thuý N mức án tù 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo Hà Thị Thuý N.

Ngoài ra trong vụ án còn có:

- Đối với vai trò của Hà Thị Thuý N liên quan hành vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo Nguyễn Thị Viết C. Quá trình điều tra xác định, N đồng ý làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho C, sau khi nhận được giấy chứng nhận, N đã giao cho C mang về nhà cất giữ, đến ngày 18/6/2020 C mang đi thế chấp, vay tiền của bà Nguyễn L 30.000.000 đồng, N không biết và không giúp sức gì nên hành vi của N không đồng phạm với C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ nên không xem xét.

- Đối với đối tượng đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho N, C và đối tượng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho N. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này nên tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR852001 cấp cho thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, mang tên Nguyễn Thị Viết C, năm sinh 1979, Chứng minh nhân dân số 201416273; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành

phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm là tang vật chứng của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 201416273, mang tên Nguyễn Thị Viết Chúc và 01 bản photo Giấy mượn số tiền 30.000.000 đồng ghi ngày 18/6/2020 có chữ ký và tên Nguyễn Thị Viết C. Đây là bản phô tô và là tang vật của vụ án hiện Đng nằm trong hồ sơ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Ngày 13/7/2023 Nguyễn Thị Viết C đã trả lại cho bà Nguyễn L số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Bà L đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại, yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo C nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo C và N thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo N biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo ở mức án thấp nhất để có cơ hội làm người có ích cho xã hội và sớm về với gia đình.

Bị cáo C biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo ở mức án thấp nhất để có cơ hội làm người có ích cho xã hội và sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người bị hại bà Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập, nhưng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai. Do vậy, việc vắng mặt của bà L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt của bà L.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[1.3] Hiện tại bị cáo Nguyễn Thị Viết C Đng được tại ngoại với Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, nhưng tại thời điểm điều tra bị cáo luôn quanh co không nhận tội

làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án. Hơn nữa, trong vụ án này bị cáo C bị khởi tố và truy tố về hai tội danh là tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự ở khung hình phạt ít nghiêm trọng và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự ở khung hình phạt nghiêm trọng. Do đó, để đảm bảo cho việc thi hành án Hội đồng xét xử xét thấy cần phải thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú sang biện pháp ngăn chặn khác nghiêm khắc hơn đối với bị cáo C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Viêt C và Hà Thị Thuý N khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Tháng 06/2020 Nguyễn Thị Viêt C và Hà Thị Thuý N đã làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Nguyễn Thị Viêt Chúc, số CR852001, cấp cho thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61 có địa chỉ tại thôn X, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với mục đích để C mang đi cầm cố, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 18/6/2020, tại thôn A, xã Hoà S, huyện Hoà Vang, C sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên và đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt của bà Nguyễn L số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị Viêt C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Hà Thị Thuý N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang truy tố về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Như Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Viêt C và Hà Thị Thuý N thì thấy:

Bị cáo C và bị cáo N đều là những người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc làm sai trái của bản thân nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình gây ra.

[2.2.1] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo Nguyễn Thị Viêt C và bị cáo Hà Thị Thuý N thì thấy:

Hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CR852001, cấp cho thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, diện tích: 150m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, mang tên Nguyễn Thị Viêt C, năm sinh: 1979, Chứng minh nhân dân số: 201416273; địa chỉ thường

trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm của bị cáo C và bị cáo N thể hiện sự liêu lĩnh, xem thường pháp luật và đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính.

Xét về vai trò của bị cáo C và bị cáo N thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo C biết rõ bị cáo N không phải là người trong cơ quan nhà nước, cũng không phải là người có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo C không có diện tích đất 150m² tại địa chỉ: Thôn X, xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, nhưng vì nợ tiền ngoài xã hội, bị chủ nợ thúc ép và đòi nhiều lần dẫn đến muốn có tiền trả nợ cho chủ nợ nên khi biết N là người làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo C đã chủ động nhờ bị cáo N làm, bị cáo C cung cấp thông tin thửa đất, lý lịch cá nhân và số tiền khoảng 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (không nhớ rõ số tiền cụ thể) để N cung cấp cho bên làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, bị cáo C là người trực tiếp đề xướng bị cáo N làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên C.

Đối với bị cáo N, do ở chỗ quan hệ là chị em con dì ruột (N là chị) và ở gần nhà nhau nên biết C nợ tiền ngoài xã hội không có khả năng trả nên khi nghe bị cáo C nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã đồng ý. Bị cáo N là người sử dụng điện thoại di động của mình để lên mạng xã hội Facebook tìm trang mạng làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi hai bên nhắn tin, trao đổi thông tin với nhau, thỏa thuận giá cả, thời gian, địa điểm giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cung cấp thông tin của C và số điện thoại để hai bên liên hệ qua lại, sau khi có giấy bị cáo N là người trực tiếp nhận điện thoại rồi đến nhà báo và chờ bị cáo C đến địa điểm nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo N là người trực tiếp đến nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giao số tiền 10.000.000 đồng cho người giao giấy chứng nhận (hiện không rõ nhân thân lại lịch người làm và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo N giao lại cho bị cáo C và bị cáo C mang về nhà cất giữ, sau đó bị cáo N không biết về những việc làm tiếp theo của bị cáo C. Do đó, cả bị cáo C và bị cáo N đều phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo C, đến ngày 18/6/2020 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi thế chấp, vay của bà Nguyễn L với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), N không biết và không giúp sức gì cho C. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Việt C trong trường hợp này thuộc tình tiết định khung hình phạt là “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Hà Thị Thuý N thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[2.2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Viết C thì thấy:

Ngày 18/6/2020 bị cáo C mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CR852001, cấp thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, mang tên Nguyễn Thị Viết C, năm sinh: 1979, Chứng minh nhân dân số: 201416273, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng giả đến gặp bà Nguyễn L, sinh năm 1970; trú: Thôn A, xã Hoà S, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng để hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng. Bà L yêu cầu phải có tài sản thế chấp mới cho vay tiền. Bị cáo C đưa cho bà L 01 chứng minh nhân dân số 201416273 mang tên Nguyễn Thị Viết C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên để cầm cố cho bà L và nói dối thửa đất này là của mình nên hành vi phạm tội của bị cáo C thuộc tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo C thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật và đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin đối với mọi người xung quanh, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Viết C phạm hai tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội.

- Bị cáo Hà Thị Thuý N Đng chấp hành án 12 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử tổng hợp với bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[2.2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, đúng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[2.3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo Nguyễn Thị Viết C và bị cáo Hà Thị Thuý N thì thấy:

Cả bị cáo C và bị cáo N đều là người đã trưởng thành, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo C và N.

Ngoài ra, trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo C đã bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn L, bà L đã nhận đủ số tiền và không còn yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo C. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo C.

Riêng đối với bị cáo N là người có nhân thân xấu, ngày 25/5/2022 bị TAND huyện Hòa Vang xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hình phạt phải chấp hành là 12 năm tù, hiện Đng chấp hành án phạt tù tại Trại giam Bình Điền.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài hình phạt chính, cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước đối với các bị cáo, qua đó nhằm cải tạo giáo dục cũng như đề rắn đe phòng ngừa chung.

[2.5] Các bị cáo C và N tuy cùng thực hiện một hành vi phạm tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, nhưng khi thực hiện hành vi không có sự cấu kết, phân công vai trò giữa từng người nên hành vi của bị cáo C và N chỉ là đồng phạm giản đơn. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang không truy tố các bị cáo theo tình tiết phạm tội có tổ chức là có căn cứ pháp luật.

[3] Ngoài ra trong vụ án còn có:

- Đối với vai trò của bị cáo Hà Thị Thuý N với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Nguyễn Thị Viêt C: Quá trình điều tra xác định, N đồng ý làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho C; sau khi nhận được giấy chứng nhận, N đã giao cho C mang về nhà cất giữ và đến ngày 18/6/2020 C mang đi thế chấp, vay tiền của bà Nguyễn L 30.000.000 đồng, N không biết và không giúp sức gì nên hành vi của N không đồng phạm với C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với đối tượng đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho N, C và đối tượng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho N: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này nên tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR852001, cấp cho thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, diện tích: 150m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, mang tên Nguyễn Thị Viêt C, năm sinh 1979, Chứng minh nhân dân số: 201416273; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm. Đây là tang vật của vụ án nên Hội đồng xét xử tuyên lưu trữ kèm theo hồ sơ.

- 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 201416273 mang tên bà Nguyễn Thị Viêt Chúc và 01 bản photo Giấy mượn số tiền 30.000.000 đồng ghi ngày 18/6/2020 có chữ ký và tên Nguyễn Thị Viêt C. Đây là tang vật của vụ án nên Hội đồng xét xử tuyên lưu trữ kèm theo hồ sơ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị Viết C đã trả lại cho bà Nguyễn L số tiền 30.000.000 đồng. Bà L đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng, cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo C và bị cáo N mỗi bị cáo phải 200.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Viết C phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo Hà Thị Thuý N phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Viết C.

- Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Viết C.

- Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị Thuý N.

[3] Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Viết C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Viết C phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Bị cáo Hà Thị Thuý N 01 (một) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp 12 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với bản án mới, buộc bị cáo Hà Thị Thuý N phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2022.

(Hiện bị cáo N Đang chấp hành án tại trại giam Bình Điền).

[4] Về hình phạt bổ sung:

- Căn cứ khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Viêt C 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xử phạt tiền bị cáo Hà Thị Thuý N 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Viêt C 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CR852001, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 61, mang tên Nguyễn Thị Viêt C, năm sinh: 1979, Chứng minh nhân dân số: 201416273; địa chỉ thường trú: Xã Hoà S, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng, do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp không có ngày tháng năm.

- 01 bản photo Chứng minh nhân dân số 201416273, mang tên bà Nguyễn Thị Viêt Chúc và 01 bản photo Giấy mượn số tiền 30.000.000 đồng ghi ngày 18/6/2020 có chữ ký và tên Nguyễn Thị Viêt C.

(Các vật chứng trên hiện Đng kèm theo hồ sơ vụ án).

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Viêt C và Hà Thị Thuý N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

[7] Về kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/01/2024.

Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng TTCV và THAHS-TAND TP.Đà Nẵng;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Thế Anh